



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.02884**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Probio Balance Plus™  
**Số lượng/ khối lượng** : 1.080 chai/ 1.080 lít  
**Hãng, nước sản xuất** : SCD Probiotics LLC, U.S.A  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 2145 ngày 09/4/2025  
Hóa đơn số : 2145 ngày 09/4/2025  
Vận đơn số : MSL-NY-144572  
Ngày sản xuất : 10/2/2025; 19/9/2024  
Giấy đăng ký kiểm tra : 4562/HQ-GDK-TTKN ngày 25/6/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250036733)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SINH  
HÓA THÁI NAM VIỆT**  
Địa chỉ: 126 Lã Xuân Oai, Khu Phố 3, Phường Tăng Nhơn  
Phú A, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT;  
QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT.  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1554 /QĐ-TTKN  
Ngày 15 tháng 7 năm 2025



**Lê Văn Yến**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.3K.25.02885

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : AB PALU  
**Số lượng/ khối lượng** : 54 thùng/ 2430 PO  
**Hãng, nước sản xuất** : Aster Bio, U.S.A.  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : 2174 ngày 23/6/2025  
Hóa đơn số : 2174 ngày 23/6/2025  
Vận đơn số : SAE156643  
Ngày sản xuất : 19/6/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 4760/HQ-GDK-TTKN ngày 30/6/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250036957)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SINH  
HÓA THÁI NAM VIỆT**  
Địa chỉ: 126 Lã Xuân Oai, Khu Phố 3, Phường Tăng Nhơn  
Phú A, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN  
ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT;  
QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT.  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 1554 /QĐ-TTKN  
Ngày 15 tháng 7 năm 2025



**Lê Văn Yên**



## BẢNG MÃ HÓA MẪU PHÂN TÍCH

### 1. Mã hóa mẫu (trước khi gửi đi phân tích):

| DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ                              | MÃ SỐ MẪU    | QUY CHUẨN ÁP DỤNG                                | TÊN SẢN PHẨM/CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH                                                                                                                                                                   | GHI CHÚ                |
|---------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| CÔNG TY TNHH CN KT SINH HÓA THÁI NAM VIỆT<br>09/07/2025 | 0725140/HQV2 | QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT<br>Mục 2.3 bảng 3      | <b>AB PALU</b><br><i>Escherichia coli</i> (CFU/ml)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25ml)                                                                                                                | BNNPTNT<br>29250036957 |
|                                                         | 0725141/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT<br>Mục 2.2 bảng 2 | <b>AB PALU</b><br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Aflatoxin B1</i> (µg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g)              |                        |
|                                                         | 0725142/HQV2 | QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT<br>Mục 2.2 bảng 2 | <b>Probio Balance Plus™</b><br>Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Aflatoxin B1</i> (µg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) | BNNPTNT<br>29250036733 |
|                                                         | 0725143/HQV2 | QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT<br>Mục 2.3 bảng 3      | <b>Probio Balance Plus™</b><br><i>Lactobacillus Spp</i> (cfu/ml)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/ml)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25ml)                                                              |                        |

Bảng mã hóa này được làm thành 02 bản: 01 bản lưu tại cơ sở thực hiện mã hóa, 01 bản đính kèm Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm (BM 46-12).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 07 năm 2025

NGƯỜI LẬP MÃ HOÁ



Phạm Hồng Quân

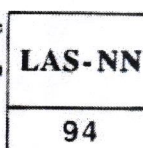
### 2. Gửi mẫu đến phòng thử nghiệm:

| Gửi mẫu         |         |                                                      | Phòng thử nghiệm được lựa chọn | Ghi chú |
|-----------------|---------|------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|
| Người thực hiện | Đơn vị  | Thời gian (ghi rõ .... giờ, ngày .... / .... / ....) |                                |         |
| Bùi Trọng Đoàn  | ASTAC 2 | 17h30 ngày 09/07/2025                                | ASTAC 1                        |         |



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168  
Email: astac.mk@gmail.com



PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 2407/2025/HQ

1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh

Số điện thoại/Tel: 0964122045. - Email: ttnknphianam@gmail.com

Người liên hệ/ Contact Person: Phạm Hồng Quân Điện thoại/Tel: 0962012368

b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name: .....

Địa chỉ/ Address: .....

Mã số thuế/ Tax code: .....

E-mail gửi hoá đơn: .....

c. Thông tin mẫu / Sample information

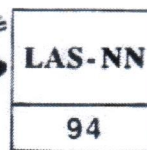
| TT | Tên mẫu/<br>Sample name | Mô tả mẫu/<br>Sample<br>description | Khối<br>lượng/Weight<br>hoặc/or<br>Thể<br>tích/Volume  | Chỉ tiêu yêu cầu/ Required<br>parameter                                                                                                                            | Phương pháp thử/ Test<br>method<br>(nếu có/ if any) | Mã số mẫu/<br>Sample code<br>(Khách hàng<br>không ghi cột<br>này/ Customer<br>does not fill in<br>this column) |
|----|-------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1. | 0725140/HQV2            | Chế phẩm enzyme xử lý môi trường    | Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu | <i>Escherichia coli</i> (CFU/ml)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25ml)                                                                                                   | QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT<br>Mục 2.3 bảng 3         |                                                                                                                |
| 2. | 0725141/HQV2            | Thức ăn bổ sung thủy sản            | Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu | Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Aflatoxin B1</i> (µg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) | QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT<br>Mục 2.2 bảng 2    |                                                                                                                |
| 3. | 0725142/HQV2            | Thức ăn bổ sung thủy sản            | Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu | Thủy ngân (Hg) (mg/kg)<br>Cadimi (Cd) (mg/kg)<br>Chì (Pb) (mg/kg)<br><i>Aflatoxin B1</i> (µg/kg)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/g)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25g) | QCVN 02 - 31 - 2: 2019/BNNPTNT<br>Mục 2.2 bảng 2    |                                                                                                                |
| 4. | 0725143/HQV2            | Chế phẩm xử lý môi trường           | Đóng trong túi/chai kín, khối lượng 02 mẫu, 0,5 kg/mẫu | <i>Lactobacillus Spp</i> (cfu/ml)<br><i>Escherichia coli</i> (CFU/ml)<br><i>Salmonella</i> (CFU/25ml)                                                              | QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT<br>Mục 2.3 bảng 3         |                                                                                                                |



# 3K

TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

Đc/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 0782 917 168  
Email: astac.mk@gmail.com



#### d. Yêu cầu khác/ Other requirements

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                          |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Mục đích / Purpose:<br><input checked="" type="checkbox"/> Thử nghiệm/ Analysis; <input type="checkbox"/> Giám định/ Assess; <input type="checkbox"/> Khác/ other: .....<br>Trả kết quả/ Result format: <input type="checkbox"/> Trực tiếp/Directly; <input type="checkbox"/> Thư/Letter; <input checked="" type="checkbox"/> Email (bản ký số/digital signature)<br>Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): <input type="checkbox"/><br>Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : <input type="checkbox"/> Có/Yes <input checked="" type="checkbox"/> Không/No<br>Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any): ..... | Người gửi mẫu/<br>Customer<br><br><br><br>Phạm Hồng Quân |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|

#### 2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| Ngày nhận mẫu/ Date of receiving:.....10-07-2025.....<br>Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: .....14-07-2025.....<br>Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: <input checked="" type="checkbox"/> Nguyên vẹn/ Intact; <input type="checkbox"/> Không nguyên vẹn/ Not Intact<br>Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: <input checked="" type="checkbox"/> Môi trường/ Environmental; <input type="checkbox"/> Lạnh/ cold; <input type="checkbox"/> Đông lạnh/ Frozen<br>Ghi chú/note: ..... | Người nhận<br>mẫu/<br>Recipient<br><br><br><br>Nguyễn Ngọc Ánh |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|

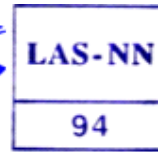
#### Ghi chú:

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo yêu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ Sample code”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.
- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột “Phương pháp thử”, trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ If the customer requires a specific method, please write the method symbol in the "Test method" column. If the customer does not request, ASTAC will use the appropriate method for analysis.
- Trung tâm cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, ngoại trừ việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam/ ASTAC is committed to keeping customer information confidential, except in compliance with the provisions of Vietnamese law.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 8654/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 24072507621  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725140/HQV2                           | Escherichia coli                       | CFU/ml       | <1                 | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp.                        | /25ml        | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



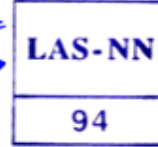
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/ All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/ Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/ Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 8712/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 24072507622  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725141/HQV2                           | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*(Signature)*

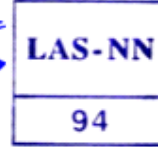
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 8713/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 24072507623  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0725142/HQV2                           | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | TCVN 9126:2011                  |
|                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 14/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Signature]*

**Ghi chú/ Note:**

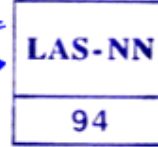
- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 8655/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Phạm Hồng Quân  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 24072507624  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 10/07/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 10/07/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup> | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result    | Phương pháp thử/<br>Test method |
|----------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-----------------------|---------------------------------|
| 0725143/HQV2                           | <i>Lactobacillus</i> spp.              | CFU/ml       | 1,7 x 10 <sup>6</sup> | HDS-32                          |
|                                        | <i>Escherichia coli</i>                | CFU/ml       | <1                    | TCVN 7924-2:2008                |
|                                        | <i>Salmonella</i> spp.                 | /25ml        | KPH                   | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 13/07/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



*[Handwritten signature]*

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Handwritten signature]*